

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135/UBND-TP

Hoàng Mai, ngày 25 tháng 5 năm 2018

Về việc triển khai cuộc thi “Tìm hiểu
Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn
quận Hoàng Mai.

Kính gửi: - Các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các trường học, cơ quan,
xí nghiệp, công ty trên địa bàn Quận;
- Ủy ban nhân dân các phường,

UBND quận Hoàng Mai nhận được Quyết định số 2368/QĐ-BTC ngày 16/5/2018 của Ban Tổ chức cuộc thi “tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn Thành phố Hà Nội về việc ban hành Thẻ lệ cuộc thi, Đề thi, Mẫu bài dự thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2018 và Công văn số 1055/STP-PBGDPL ngày 17/5/2018 về việc hướng dẫn triển khai cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015”.

Ngày 30/3/2018, UBND Quận đã ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND về tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn quận Hoàng Mai. Để đảm bảo cuộc thi được triển khai rộng rãi và kịp thời, đạt hiệu quả cao, UBND quận Hoàng Mai yêu cầu các đơn vị thực hiện ngay một số nhiệm vụ sau:

1. Phòng Tư pháp quận

- Tham mưu UBND quận ban hành Quyết định thành lập Ban Tổ chức, Ban Giám khảo chấm sơ khảo bài thi cấp quận; Tổ thư ký giúp việc Ban Tổ chức, Ban Giám khảo và văn bản phân công nhiệm vụ từng thành viên Ban Tổ chức, Tổ thư ký giúp việc cuộc thi.

- Phối hợp với các thành viên Ban tổ chức cuộc thi đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các phòng, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, các trường học, cơ quan, xí nghiệp, công ty trên địa bàn Quận và UBND các phường thuộc Quận triển khai thực hiện Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND Quận và tham mưu UBND quận tổ chức phát động cuộc thi, tuyên truyền, phổ biến nội dung Thẻ lệ cuộc thi, Đề thi, Mẫu bài dự thi (*kèm theo Công văn này*) để các phòng, ban, đơn vị, các trường học, cơ quan, xí nghiệp, công ty trên địa bàn Quận và UBND các phường thuộc Quận tổ chức sao chụp, phát bài thi cho các đối tượng tham gia dự thi.

- Tổ chức thu bài thi của các phòng, ban, đơn vị, các cơ quan, xí nghiệp, công ty trên địa bàn Quận và UBND các phường thuộc Quận;

- Tham mưu UBND Quận tổ chức chấm thi sơ khảo; lựa chọn, lập danh sách 130 bài dự thi xuất sắc (*gồm 100 bài dự thi của thí sinh 18 tuổi trở lên và 30 bài dự thi của thí sinh dưới 18 tuổi*) theo mẫu số 01 gửi về Sở Tư pháp từ ngày 01/9/2018 đến trước 17h ngày 15/9/2018.

- Tổng hợp, báo cáo đánh giá quá trình triển khai; công tác tuyên truyền về cuộc thi, kết quả cuộc thi tại Quận và tổng hợp số lượng tiếp nhận bài dự thi (theo mẫu số 02) gửi về Sở Tư pháp trước ngày 15/9/2018.

2. Văn phòng HĐND và UBND quận, phòng Văn hóa và Thông tin

- Phối hợp với phòng Tư pháp đăng tải Thẻ lệ cuộc thi, Đề thi, mẫu bài dự thi lên cổng thông tin điện tử Quận.

- Phòng Văn hóa và Thông tin hướng dẫn UBND các phường bố trí thời lượng tuyên truyền về cuộc thi trên loa truyền thanh các phường.

3. Các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các trường học, cơ quan, xí nghiệp, công ty trên địa bàn Quận và UBND các phường thuộc Quận

- Triển khai cuộc thi theo đúng Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND Quận và tổ chức phát động cuộc thi và tuyên truyền, phổ biến về nội dung cuộc thi, Thể lệ cuộc thi, Đề thi, Mẫu bài dự thi tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tại đơn vị, địa phương mình.

- UBND các phường tổ chức triển khai rộng rãi cuộc thi trên địa bàn, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về nội dung cuộc thi trên hệ thống loa truyền thanh, phát tài liệu và các hình thức khác phù hợp nhằm vận động nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia cuộc thi.

- Sao chụp và phát bài dự thi, thu bài thi tới các đối tượng tham gia cuộc thi (theo chỉ tiêu số lượng bài dự thi của các đơn vị kèm theo Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND Quận). Thời gian, địa điểm tiếp nhận bài dự thi và cách thức thu, nộp bài dự thi như sau:

+ **Thời điểm kết thúc nhận bài dự thi: 17 giờ 00 ngày 14/8/2018.**

+ **Địa điểm, thời gian tiếp nhận bài dự thi:**

Đối với người dự thi là nhân dân trên địa bàn Quận thì nộp bài dự thi tại UBND phường nơi mình cư trú.

Đối với người dự thi là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nộp bài dự thi tại nhà trường, cơ quan, đơn vị mình công tác.

Đối với học sinh từ 14 tuổi trở lên đang học tại các trường học trên địa bàn Quận nộp bài dự thi cho nhà trường để nộp về phòng Giáo dục và Đào tạo Quận.

+ **Thời hạn, cách thức thu, nộp bài thi:** Bài dự thi và báo cáo gửi về UBND Quận (qua phòng Tư pháp - Thường trực Ban tổ chức cuộc thi, phòng 308 trụ sở UBND quận Hoàng Mai) **trước 17 giờ 00 ngày 15/8/2018.**

UBND các phường nộp bài dự thi đã nhận cho UBND Quận (qua phòng Tư pháp).

Các tổ chức, đơn vị không thuộc cơ quan thành phố Hà Nội tập hợp bài dự thi của đơn vị mình nộp cho UBND Quận (qua phòng Tư pháp).

Các đơn vị lực lượng vũ trang quận tập hợp bài dự thi của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị nộp về UBND Quận (qua phòng Tư pháp).

Các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, công ty trên địa bàn Quận tập hợp bài dự thi của người lao động trong đơn vị nộp về UBND Quận (qua phòng Tư pháp).

Các cơ quan, đơn vị, UBND các phường tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai cuộc thi tại cơ quan, đơn vị địa phương bằng văn bản với đầy đủ nội dung (Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai cuộc thi, công tác phát động, tuyên truyền, phổ biến cuộc thi, kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất) và tổng hợp số lượng tiếp nhận bài dự thi theo mẫu số 03 (gửi kèm Công văn này).

Các trường học gửi bài thi về phòng Giáo dục và Đào tạo Quận; phòng Giáo dục và Đào tạo Quận thu bài và tổng hợp báo cáo kết quả triển khai cuộc thi đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và học sinh từ đủ 14 tuổi thuộc các trường học trên địa bàn Quận nộp về UBND Quận (qua phòng Tư pháp).

UBND Quận yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên; (để t/h)
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- TT Quận ủy – HĐND – UBND quận; (để báo cáo)
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận;
- Công thông tin điện tử Quận;
- Lưu: VT, TP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hiếu

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG BÀI DỰ THI

STT	Tổng số bài dự thi của người dưới 18 tuổi	Số lượng bài dự thi của người từ đủ 18 tuổi trở lên	Số lượng bài dự thi của cán bộ, công chức, viên chức	Số lượng bài dự thi của người cao tuổi	Tỷ lệ người dự thi/ tổng số nhân dân trên địa bàn	Ghi chú

BIỂU CHỈ TIÊU SỐ LƯỢNG BÀI DỰ THI CỦA CÁC ĐƠN VỊ
 (Kèm theo Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 07 tháng 05 năm 2018
 của UBND quận Hoàng Mai)

TT	Đơn vị	Số lượng
I	Khối hành chính quận	138
1	Văn phòng HĐND-UBND	41
2	Nội vụ	06
3	Thanh tra quận	08
4	Tài chính Kế hoạch	16
5	Kinh tế	05
6	Tài nguyên và môi trường	11
7	Quản lý đô thị	13
8	Văn hoá thông tin	10
9	Lao động Thương binh và Xã hội	09
10	Giáo dục và đào tạo	11
11	Y tế	08
II	Đơn vị sự nghiệp	192
1	Ban quản lý dự án	49
2	Trung tâm văn hoá thông tin và thể thao	10
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên	26
4	Ban quản lý chợ Trương Định	23
5	Bến xe tải Thanh Trì	12
6	Trung tâm dân số - KHHGD	20
7	Trung tâm phát triển quỹ đất	35
8	Trường TDTT thanh thiếu niên	17
III	Khối hành chính phường	348
1	Giáp Bát	25
2	Định Công	25
3	Mai Động	25
4	Vĩnh Hưng	25
5	Đại Kim	25
6	Tương Mai	25
7	Tân Mai	25
8	Lĩnh Nam	25
9	Hoàng Liệt	25
10	Thịnh Liệt	25
11	Trần Phú	23
12	Yên Sở	25
13	Hoàng Văn Thụ	25
14	Thanh Trì	25
IV	Dân số phường (từ 14 tuổi trở lên)	180.310
1	Giáp Bát	7.565

2	Định Công	19.325
3	Mai Động	10.067
4	Vĩnh Hưng	14.282
5	Đại Kim	17.687
6	Tương Mai	13.696
7	Tân Mai	12.359
8	Lĩnh Nam	13.120
9	Hoàng Liệt	19.667
10	Thịnh Liệt	16.183
11	Trần Phú	4.236
12	Yên Sở	8.099
13	Hoàng Văn Thụ	14.577
14	Thanh Trì	9.447
V	Khối trường học	9.641
1	THCS Vĩnh Hưng	403
2	THCS Mai Động	632
3	THCS Lĩnh Nam	595
4	THCS Thanh Trì	791
5	THCS Hoàng Liệt	941
6	THCS Tân Định	906
7	THCS Thịnh Liệt	309
8	THCS Đền Lừ	291
9	THCS Yên Sở	179
10	THCS Tân Mai	447
11	THCS Hoàng Văn Thụ	255
12	THCS Trần Phú	319
13	THCS Định Công	400
14	THCS Đại Kim	439
15	THCS Giáp Bát	593
16	TH Thịnh Liệt	55
17	TH Định Công	65
18	TH Đại Kim	43
19	TH Tân Định	67
20	TH Giáp Bát	48
21	TH Lĩnh Nam	52
22	TH Mai Động	54
23	TH Đền Lừ	62
24	TH Trần Phú	34
25	TH Hoàng Văn Thụ	31
26	TH Hoàng Liệt	42
27	TH Thanh Trì	52
28	TH Thuý Lĩnh	29
29	TH Vĩnh Hưng	63
30	TH Đại Từ	53
31	TH Yên Sở	51

32	TH Tân Mai	70
33	TH Chu Văn An	66
34	MN 10-10	64
35	MN Bình Minh	36
36	MN Đại Kim	66
37	MN Định Công	94
38	MN Giáp Bát	51
39	MN Hoàng Văn Thụ	42
40	MN Hoa Hồng	36
41	MN Hoa Mai	60
42	MN Hoa Sữa	42
43	MN Hoàng Liệt	66
44	MN Lĩnh Nam	56
45	MN Mai Động	43
46	MN Sơn Ca	60
47	MN Tân Mai	51
48	MN Tuổi Thơ	56
49	MN Trương Mai	49
50	MN Thanh Trì	55
51	MN Thịnh Liệt	83
52	MN Trần Phú	48
53	MN Vĩnh Hưng	71
54	MN Yên Sở	75
Tổng số		190.629



Số: 2368/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Thẻ lệ cuộc thi, Đề thi, Mẫu Bài dự thi
cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn thành phố Hà Nội

BAN TỔ CHỨC CUỘC THI

Căn cứ Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND Thành phố về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn Thành phố năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 09/3/2018 của UBND Thành phố về tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp Hà Nội tại Tờ trình số 952/TTr-STP ngày 07 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Thẻ lệ cuộc thi, Đề thi, Mẫu Bài dự thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn thành phố Hà Nội.

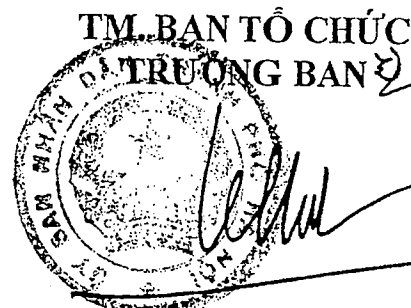
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Thành viên BTC Cuộc thi;
- VP UBND TP: CVP, PVP Phạm Chí Công;
- Các phòng: NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, NC_(B).

46598 (450)



PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
Lê Hồng Sơn

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018

THẺ LỆ CUỘC THI

“Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2368/QĐ-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2018
của Ban Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015”
trên địa bàn thành phố Hà Nội)

I. Đối tượng dự thi, hình thức, nội dung thi

1. Đối tượng:

Là công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, sinh sống, làm việc trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ thành viên Ban tổ chức, Ban giám khảo, tổ giúp việc và những bộ phận cán bộ trực tiếp tham gia vào quá trình tổ chức cuộc thi).

2. Hình thức thi:

- Cuộc thi được tổ chức dưới hình thức thi trắc nghiệm, lý thuyết và tự luận cho các cá nhân.

- Người dự thi cần trả lời đầy đủ các câu hỏi của cuộc thi; trình bày khoa học, rõ ràng. Ban tổ chức khuyến khích bài thi trình bày mở rộng, sáng tạo, có tranh ảnh minh họa.

3. Nội dung thi:

- Đề thi gồm 03 phần thi với 35 câu hỏi, cụ thể như sau:

+ Thi trắc nghiệm: gồm 30 câu. Người dự thi chỉ cần khoanh tròn vào phương án đúng.

+ Thi viết: gồm 04 câu (phần dành cho người dự thi dưới 18 tuổi và từ đủ 18 tuổi trở lên). Người dự thi đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) để trả lời.

+ Thi tự luận: 01 câu. Người dự thi căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10, Luật số 37/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 1999) và Bộ luật Hình sự năm 2015 để trả lời, có phân tích, đánh giá những nội dung mới cơ bản.

4. Thời gian, địa điểm tiếp nhận bài dự thi:

a) Thời điểm kết thúc nhận bài dự thi: Trước 17h00 ngày 14/8/2018.

b) Địa điểm, thời gian tiếp nhận bài dự thi:

- Đối với người dự thi là nhân dân trên địa bàn Thành phố nộp bài dự thi tại UBND xã, phường, thị trấn nơi mình cư trú;

- Đối với người dự thi là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang trên địa bàn Thành phố nộp bài dự thi tại cơ quan, đơn vị mình công tác, làm việc;

- Đối với học sinh từ 14 tuổi trở lên dự thi mà đang học tại các trường học trên địa bàn thành phố thì tập hợp bài thi nộp cho nhà trường để trường nộp cho UBND xã, phường, thị trấn nơi trường đặt trụ sở (theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo).

II. Bài thi hợp lệ và không hợp lệ:

1. Bài thi hợp lệ: Trình bày trên giấy cỡ A4 hoặc bài dự thi trên khổ A4 nhưng kèm theo cỡ giấy khổ rộng khác để phục vụ minh họa cho bài dự thi; điền đầy đủ thông tin cá nhân theo mẫu do Ban tổ chức phát hành (*thí sinh có thể photo thêm giấy thi để trả lời các câu hỏi ở phần thi viết và tự luận*);

- Bài dự thi phần thi lý thuyết và tự luận được viết tay hoặc đánh máy bằng tiếng Việt, có dấu, sử dụng phần mềm soạn thảo Microsoft Word, font chữ: Times New Roman, bảng mã: Unicode, kiểu gõ: Telex.

2. Bài dự thi không hợp lệ: Bài dự thi trình bày trên khổ giấy không phải A4; bài photocopy; bài sao chép giống 100% bài dự thi của người khác (Trường hợp này cả hai hoặc nhiều bản giống nhau 100 % đều bị loại); bài thi sử dụng tiếng nước ngoài; nộp quá hạn so với quy định.

III. Cách thức chấm vòng sơ khảo và vòng chung khảo:

1. Vòng Sơ khảo:

- UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức chấm Sơ khảo đối với các bài dự thi của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn. Mỗi quận, huyện, thị xã chọn 130 bài dự thi (*gồm 100 bài dự thi của thí sinh 18 tuổi trở lên và 30 bài của thí sinh dưới 18 tuổi*), đáp ứng đúng Thể lệ, có số điểm cao (lấy từ cao xuống thấp) của địa phương mình gửi về Sở Tư pháp Hà Nội.

- Ban Giám khảo cuộc thi cấp Thành phố chấm Sơ khảo bài dự thi do các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố gửi về Sở Tư pháp, lựa chọn 200 bài dự thi điểm cao để chấm Chung khảo.

2. Vòng Chung khảo:

- Ban Giám khảo Cuộc thi Thành phố tổ chức chấm Chung khảo đối với 200 bài thi đạt điểm cao của các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố và 3.900 bài dự thi do quận, huyện, thị xã chấm sơ khảo gửi về Sở Tư pháp.

3. Điểm thi và phương pháp tính điểm:

a) Điểm thi: Tổng điểm tối đa của bài thi là **100 điểm**, trong đó:

- Nội dung (**90 điểm**):

+ Phần thi trắc nghiệm: 45 điểm (**30 câu, mỗi câu 1,5 điểm**).

+ Phần thi viết: 20 điểm (**04 câu, mỗi câu 5 điểm**).

+ Phần thi tự luận: 25 điểm (01 câu).

- Trình bày, minh họa: 10 điểm.

b) Phương pháp tính điểm

- Tại vòng chấm Chung khảo: Mỗi bài thi có 02 Giám khảo chấm

- Tổng điểm của bài thi là điểm Trung bình cộng của các thành viên Ban Giám khảo chấm điểm cho bài thi đó.

- Trong trường hợp điểm của 02 Giám khảo chấm 01 bài thi chênh lệch nhau từ 05 điểm trở lên thì Trưởng Ban Giám khảo phân công thêm Giám khảo khác chấm điểm lại đối với bài dự thi đó, điểm của bài thi là điểm Trung bình cộng của các Giám khảo chấm bài thi đó.

4. Quy định đối với Ban Giám khảo:

- Bảo đảm chấm thi khách quan, trung thực, công bằng, đúng bảng chấm điểm. Sau khi chấm thi vòng Chung khảo, Ban Giám khảo tổng hợp đánh giá kết quả chấm thi, báo cáo Ban Tổ chức phân định giải (bao gồm giải tập thể, giải cá nhân).

IV. Kinh phí tổ chức cuộc thi : Từ nguồn kinh phí của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố năm 2018 và nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố.

V. Cơ cấu giải thưởng:

Các cá nhân, tập thể đạt giải thưởng được trao giấy Chứng nhận của Ban Tổ chức cuộc thi và phần thưởng; trị giá cụ thể từ nguồn ngân sách cho từng giải như sau:

1. Giải tập thể: Dành cho các cơ quan, tổ chức, địa phương có số người tham gia dự thi cao nhất, nộp bài đúng hạn, có hình thức tổ chức tốt việc tuyên truyền về cuộc thi, có nhiều cá nhân đạt giải cao.

- 03 giải nhất mỗi giải 5.000.000 đồng;

- 07 giải nhì mỗi giải 3.500.000 đồng;

- 10 giải ba mỗi giải 2.500.000 đồng;

2. Giải cá nhân:

- 01 giải đặc biệt: 5.000.000 đồng;

- 03 giải nhất mỗi giải 3.000.000 đồng;
- 07 giải nhì mỗi giải 1.500.000 đồng;
- 20 giải ba mỗi giải 1.000.000 đồng;
- 35 giải khuyến khích mỗi giải 500.000 đồng;

Mức giải thưởng của tập thể và cá nhân đạt giải của cuộc thi còn được bổ sung từ nguồn xã hội hóa (nếu có).

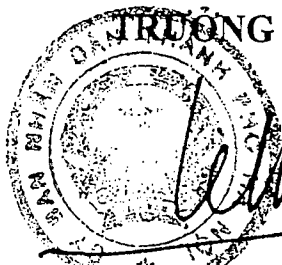
VI. Các nội dung liên quan đến Tổng kết và trao giải:

- Lễ tổng kết và trao giải: Trong dịp cao điểm hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam năm 2018 (*Dự kiến từ ngày 01 đến ngày 09 tháng 11 năm 2018*).

- Trường hợp Người dự thi không tới nhận giải, Ban tổ chức sẽ gửi giấy chứng nhận và tiền thưởng qua đường bưu điện theo địa chỉ ghi trên bài dự thi.

- Thông tin chi tiết về cuộc thi được đăng tải tại Trang thông tin điện tử của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật Thành phố (<https://pbgdpl.hanoi.gov.vn/>).

**TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
Lê Hồng Sơn**

ĐỀ THI
CUỘC THI “TÌM HIỂU BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015” TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2368/QĐ-BTC ngày 16/5/2018 của Ban Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu Bộ Luật Hình sự năm 2015” thành phố Hà Nội)

Phần I. Câu hỏi trắc nghiệm

(Thí sinh khoanh tròn câu trả lời đúng)

1. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào?

- a) Từ ngày 01/07/2016
- b) Từ ngày 01/7/2017
- c) Từ ngày 01/01/2018

2. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung thêm chủ thể nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự ?

- a) Cá nhân
- b) Pháp nhân
- c) Pháp nhân thương mại

3. Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 ?

a) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.

b) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tỏ giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.

c) Đối với người tái phạm, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục.

d) Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật Hình sự quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

đ) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

4. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người từ đủ độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm hình sự?

- a) Người từ đủ 16 tuổi trở lên
- b) Người từ đủ 14 tuổi trở lên
- c) Người từ đủ 18 tuổi trở lên

5. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thuộc các tội nào sau đây?

- a) Tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác
- b) Tội cướp tài sản, tội trộm cắp tài sản
- c) Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, tội mua bán trái phép chất ma túy
- d) Tội tổ chức đua xe trái phép, tội đua xe trái phép
- e) Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ
- f) Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt

6. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội nào thì phải chịu trách nhiệm hình sự?

- a) Tội giết người hoặc tội cướp tài sản
- b) Tội trộm cắp tài sản
- c) Tội gây rối trật tự công cộng

7. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn khi có điều kiện nào sau đây?

- a) Phạm tội lần đầu
- b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt
- c) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù
- d) Có nơi cư trú rõ ràng
- e) Khi có đủ tất cả các điều kiện tại điểm a, b, c, d nêu trên

8. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích nếu thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?

- a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý.

9. Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt hay không?

- a) Có
- b) Không

10. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản. Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội thì có được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm hay không?

- a) Có
- b) Không

11. Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, có phải chịu trách nhiệm hình sự không?

- a) Có
- b) Không

12. Người che giấu tội phạm (người không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội) là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp nào sau đây?

a) Phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm đối với hành vi che giấu thuộc các loại tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự

b) Chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm khi thuộc trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

13. Ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác thì có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm hay không?

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với hành vi không tố giác thuộc các loại tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự.

b) Chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

14. Trường hợp nào sau đây không được loại trừ trách nhiệm hình sự?

- a) Sự kiện bất ngờ

- b) Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự
- c) Phòng vệ chính đáng
- d) Tình thế cấp thiết
- e) Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội
- f) Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ
- g) Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc cấp trên.
- h) Vô ý phạm tội

15. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có căn cứ nào sau đây?

a) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận hoặc người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.

b) Người phạm tội là phụ nữ có thai.

c) Người phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

16. Trong các hình phạt sau, hình phạt nào không phải là hình phạt chính ?

- a) Cảnh cáo
- b) Phạt tiền
- c) Cải tạo không giam giữ
- d) Trục xuất
- đ) Tù có thời hạn
- e) Tù chung thân
- g) Tử hình
- h) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

17. Trong các hình phạt sau, hình phạt nào không phải là hình phạt bổ sung?

- a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định
- b) Cấm cư trú
- c) Quản chế
- d) Khiển trách
- e) Tước một số quyền công dân
- g) Tịch thu tài sản

18. Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự?

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.
- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.
- c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.
- d) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.
- đ) Người phạm tội tự thú.
- e) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.
- g) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.
- h) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.
- i) Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác.

19. Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ?

- a) Phạm tội có tổ chức;
- b) Phạm tội có tính chất côn đồ;
- c) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;
- d) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;
- đ) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên;
- e) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;
- g) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội;
- h) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội;
- i) Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm;
- k) Người phạm tội là người có bệnh

20. So với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 bổ sung thêm trường hợp nào sau đây không phải thi hành án tử hình với người bị kết án?

- a) Người đủ 75 tuổi trở lên; Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.
- b) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại một phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

Câu 21. Khoản 1 Điều 108 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định công dân Việt Nam cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

- a) Từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình
- b) Từ 10 năm đến 15 năm
- c) Từ 7 năm đến 10 năm

Câu 22. Khoản 1 Điều 117 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người có hành vi làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

- a) Từ 05 năm đến 7 năm
- b) Từ 05 năm đến 12 năm
- c) Từ 10 năm đến 12 năm

Câu 23. Khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người giết 02 người hoặc giết người dưới 16 tuổi hoặc giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

- a) Từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình
- b) Từ 10 năm đến 15 năm
- c) Từ 7 năm đến 10 năm

Câu 24. Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

- a) Từ 3 năm đến 7 năm.
- b) Từ 3 năm đến 10 năm.
- c) Từ 1 năm đến 5 năm.

Câu 25. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người tàng trữ trái phép chất ma túy ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam hoặc các chất ma túy ở thể lỏng có thể tích từ 10mililit đến dưới 100 mililit không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

- a) Từ 2 năm đến 7 năm
- b) Từ 1 năm đến 5 năm
- c) Từ 2 năm đến 5 năm

Câu 26. Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội làm nhục người khác với hành vi sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?

- a) Phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.
- b) Phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.
- c) Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

Câu 27. Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?

- a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.
- b) Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.
- c) Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Câu 28. Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ sẽ bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 01 năm khi thuộc trường hợp nào sau đây?

- a) Làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên mà còn vi phạm.
- b) Làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát.
- c) Đã có quyết định của Tòa án hủy việc kết hôn hoặc buộc phải chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái với chế độ một vợ, một chồng mà vẫn duy trì quan hệ đó.

Câu 29. Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thì bị phạt tiền

từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm khi thuộc trường hợp nào sau đây?

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

b) Làm chết 02 người.

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

Câu 30. Khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?

a) Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

b) Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

c) Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm

Phần II. Câu hỏi lý thuyết
(Thí sinh viết câu trả lời)

I. Phần dành cho thí sinh dưới 18 tuổi

Câu 1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm nào? Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm nào?

Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội gây rối trật tự công cộng quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

II. Phần dành cho thí sinh trên 18 tuổi

Câu 1. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định những trường hợp nào được loại trừ trách nhiệm hình sự? Phân tích những điểm mới so với Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự?

Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội tham ô tài sản quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Phần III. Câu hỏi Tự luận

Câu hỏi. Trình bày và phân tích những nội dung mới cơ bản của Bộ luật Hình sự năm 2015 thể hiện việc đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân? Bạn tâm đắc nhất nội dung mới nào và vì sao?

MẪU BÀI DỰ THI

Cuộc thi “Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Thông báo số 1126/TB-BTC ngày 23/5/2018 của Ban Tổ chức cuộc thi
“Tìm hiểu Bộ luật Hình sự năm 2015” thành phố Hà Nội)

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CMND hoặc Số căn cước công dân:

Do Công an..... Cấp ngày.....

Đơn vị công tác:

Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú:

Số điện thoại:

Phần I. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

(Khoanh tròn câu trả lời đúng)

Câu 1. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào?

- a) Từ ngày 01/07/2016
- b) Từ ngày 01/07/2017
- c) Từ ngày 01/01/2018

Câu 2. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung thêm chủ thể nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự ?

- a) Cá nhân
- b) Pháp nhân
- c) Pháp nhân thương mại

Câu 3. Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 ?

- a) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội.
- b) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tỏ giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.

c) Đối với người tái phạm, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục.

d) Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật Hình sự quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

đ) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

Câu 4. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người từ đủ độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm hình sự?

a) Người từ đủ 16 tuổi trở lên

b) Người từ đủ 14 tuổi trở lên

c) Người từ đủ 18 tuổi trở lên

Câu 5. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thuộc các tội nào sau đây?

a) Tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác

b) Tội cướp tài sản, tội trộm cắp tài sản

c) Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, tội mua bán trái phép chất ma túy

d) Tội tổ chức đua xe trái phép, tội đua xe trái phép

e) Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

f) Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác, tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt

Câu 6. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội nào thì phải chịu trách nhiệm hình sự?

a) Tội giết người hoặc tội cướp tài sản

b) Tội trộm cắp tài sản

c) Tội gây rối trật tự công cộng

Câu 7. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn khi có điều kiện nào sau đây?

a) Phạm tội lần đầu

b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt

c) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù

d) Có nơi cư trú rõ ràng

e) Khi có đủ tất cả các điều kiện tại điểm a, b, c, d nêu trên

Câu 8. Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích nếu thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?

a) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người bị áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.

b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý.

Câu 9. Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt hay không?

a) Có

b) Không

Câu 10. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản. Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội thì có được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm hay không?

a) Có

b) Không

Câu 11. Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, có phải chịu trách nhiệm hình sự không?

a) Có

b) Không

Câu 12. Người che giấu tội phạm (người không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội) là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp nào sau đây?

a) Phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm đối với hành vi che giấu thuộc các loại tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự

b) Chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm khi thuộc trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Câu 13. Ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực

hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác thì có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm hay không?

a) Không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với hành vi không tố giác thuộc các loại tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự.

b) Chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Câu 14. Trường hợp nào sau đây không được loại trừ trách nhiệm hình sự?

a) Sự kiện bất ngờ

b) Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự

c) Phòng vệ chính đáng

d) Tình thế cấp thiết

e) Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội

f) Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ

g) Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc cấp trên.

h) Vô ý phạm tội

Câu 15. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có căn cứ nào sau đây?

a) Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận hoặc người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.

b) Người phạm tội là phụ nữ có thai.

c) Người phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Câu 16. Trong các hình phạt sau, hình phạt nào không phải là hình phạt chính ?

a) Cảnh cáo

b) Phạt tiền

c) Cải tạo không giam giữ

d) Trục xuất

đ) Tù có thời hạn

e) Tù chung thân

g) Tử hình

h) Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Câu 17. Trong các hình phạt sau, hình phạt nào không phải là hình phạt bổ sung?

- a) Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định
- b) Cấm cư trú
- c) Quản chế
- d) Khiển trách
- e) Tước một số quyền công dân
- g) Tịch thu tài sản

Câu 18. Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự?

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm.
- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả.
- c) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.
- d) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.
- đ) Người phạm tội tự thú.
- e) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.
- g) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.
- h) Người phạm tội đã lập công chuộc tội.
- i) Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác.

Câu 19. Tình tiết nào sau đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ?

- a) Phạm tội có tổ chức;
- b) Phạm tội có tính chất côn đồ;
- c) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;
- d) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;
- đ) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên;
- e) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;
- g) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội;
- h) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội;
- i) Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm;
- k) Người phạm tội là người có bệnh

Câu 20. So với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 bổ sung thêm trường hợp nào sau đây không phải thi hành án tử hình với người bị kết án?

a) Người đủ 75 tuổi trở lên; Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

b) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại một phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

Câu 21. Khoản 1 Điều 108 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định công dân Việt Nam cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

a) Từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình

b) Từ 10 năm đến 15 năm

c) Từ 7 năm đến 10 năm

Câu 22. Khoản 1 Điều 117 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người có hành vi làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

a) Từ 05 năm đến 07 năm

b) Từ 05 năm đến 12 năm

c) Từ 10 năm đến 12 năm

Câu 23. Khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người giết 02 người hoặc giết người dưới 16 tuổi hoặc giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

a) Từ 12 năm đến 20 năm, chung thân hoặc tử hình

b) Từ 10 năm đến 15 năm

c) Từ 7 năm đến 10 năm

Câu 24. Khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

a) Từ 3 năm đến 7 năm.

b) Từ 3 năm đến 10 năm.

c) Từ 1 năm đến 5 năm.

Câu 25. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người tàng trữ trái phép chất ma túy ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam hoặc các chất ma túy ở thể lỏng có thể tích từ 10mililit đến dưới 100 mililit không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì bị phạt tù theo thời hạn nào sau đây?

- a) Từ 2 năm đến 7 năm
- b) Từ 1 năm đến 5 năm
- c) Từ 2 năm đến 5 năm

Câu 26. Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội làm nhục người khác với hành vi sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?

- a) Phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.
- b) Phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.
- c) Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

Câu 27. Điều 179 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người có nhiệm vụ trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 2.000.000.000 đồng thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?

- a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.
- b) Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.
- c) Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Câu 28. Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ sẽ bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 01 năm khi thuộc trường hợp nào sau đây?

- a) Làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trên mà còn vi phạm.
- b) Làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát.
- c) Đã có quyết định của Tòa án hủy việc kết hôn hoặc buộc phải chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái với chế độ một vợ, một chồng mà vẫn duy trì quan hệ đó.

Câu 29. Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm khi thuộc trường hợp nào sau đây?

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

b) Làm chết 02 người.

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

Câu 30. Khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị áp dụng mức phạt nào sau đây?

a) Phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

b) Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

c) Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm

Phần II. Trả lời câu hỏi lý thuyết
(Viết câu trả lời)

I. Phần dành cho thí sinh dưới 18 tuổi

Câu 1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm nào? Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những tội phạm nào?

Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội gây rối trật tự công cộng quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

II. Phần dành cho thí sinh trên 18 tuổi

Câu 1. Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định những trường hợp nào được loại trừ trách nhiệm hình sự? Phân tích những điểm mới so với Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự?

Câu 2. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Câu 3. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Câu 4. Trình bày các quy định về hình phạt đối với Tội tham ô tài sản quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015?

Phần III. Trả lời câu hỏi Tự luận

Câu hỏi. Trình bày và phân tích những nội dung mới cơ bản của Bộ luật Hình sự năm 2015 thể hiện việc đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân? Bạn tâm đắc nhất nội dung mới nào và vì sao?